

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

(Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1600249791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 28 / 03 / 2011 thay đổi lần thứ 4 ngày 10 / 08 / 2016)

**Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh,
Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang**

Điện thoại: 076.3856100

Fax: 076.3857800

Website: <http://diennuocag.com.vn/>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Lương Văn Bạ

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số điện thoại: 0913.952.352

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	1
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	1
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	3
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	3
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách Cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông.	11
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty.....	11
6. Hoạt động kinh doanh.	11
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	13
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	14
9. Chính sách đối với người lao động.....	15
10. Chính sách cổ tức.....	17
11. Tình hình tài chính.....	17
12. Tài sản	20
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.	21
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký giao dịch	22
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.	22
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có).....	22
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	22
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị.....	22
2. Ban kiểm soát.....	29
3. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	31
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.	32
III. PHỤ LỤC.....	32

DANH MỤC SƠ ĐỒ BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 07/02/2017	11
Bảng số 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 07/02/2017	11
Bảng số 3: Cơ cấu doanh thu thuần từ năm 2015-2016	12
Bảng số 4: Cơ cấu chi phí từ năm 2015 - 2016	13
Bảng số 5: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 và 2016	13
Bảng số 6: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2016	15
Bảng số 7: Mức lương bình quân năm 2014 đến 2016	16
Bảng số 8: Chính sách chi trả cổ tức	17
Bảng số 9: Các khoản còn phải nộp Ngân sách đến ngày 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017	17
Bảng số 10: Trích lập các quỹ của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017	18
Bảng số 11: Cơ cấu nợ vay của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017	18
Bảng số 12: Các khoản phải thu của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017	18
Bảng số 13: Các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017	19
Bảng số 14: Hàng tồn kho năm 2015, 2016	19
Bảng số 15: Tình hình tài chính 2015-2016	20
Bảng số 16: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2016	20
Bảng số 17: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	21
Bảng số 18: Danh sách thành viên HĐQT	23
Bảng số 19: Danh sách Ban kiểm soát	29
Bảng số 20: Danh sách Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	31
Sơ đồ số 1: Cơ cấu bộ máy quản lý	3

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCTC	:	Báo cáo tài chính
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
DTT	:	Doanh thu thuần
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

- Tên công ty bằng Tiếng Việt : Công ty cổ phần Điện nước An Giang
- Tên công ty bằng Tiếng Anh : An Giang Power And Water Supply Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Powaco
- Trụ sở chính : Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Vốn điều lệ theo ĐKDN : 486.600.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 486.600.000.000 đồng
- Điện thoại : 076.3856100
- Fax : 076.3857800
- Website : <http://diennuocag.com.vn/>
- Logo :



- Người đại diện theo pháp luật : Ông Lương Văn Bạ – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ngày 16/12/2016 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký CTĐC theo Công văn số 8347/UBCK-GSĐC
- Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1600249791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 28 tháng 03 năm 2011 thay đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 08 năm 2016
- Ngành nghề kinh doanh chính:

TT	Mã ngành	Tên ngành
1	3510	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối, truyền tải điện
2	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất phân phối nước sạch Chi tiết: Khai thác và sản xuất nước khoáng
3	4321	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt đường dây trung thế từ 15-35 KV và đường dây hạ thế trạm biến áp từ 15-3.000 KVA Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt điện trong nhà.
4	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước

		Chi tiết: Xây dựng các công trình xử lý cấp thoát nước và mạng đường ống cấp thoát nước.
18	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê

1.2. Giới thiệu về Chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: DNA
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 48.660.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức đăng ký giao dịch: 250.000 cổ phiếu – thuộc sở hữu của Tổ chức Công đoàn của Công ty mua ưu đãi trong quá trình cổ phần hóa. Theo quy định tại điểm c, khoản 2 điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ – CP thì số cổ phần ưu đãi này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng.
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với Nhà đầu tư nước ngoài: Công ty thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 28/06/2017, số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty.

1.3. Quá trình hình thành phát triển

Tháng 12/1993, Ban quản lý và Phát triển Điện Nông thôn được thành lập trực thuộc Ủy ban Kế hoạch tỉnh An Giang có nhiệm vụ triển khai thi công đường dây cao thế 110KV đến Châu Đốc và đường dây 35KV về đến tất cả các huyện thị. Năm 1995, Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang giao thêm nhiệm vụ phát triển nước sạch nông thôn và đổi tên gọi Ban Quản Lý và Phát triển Điện Nước Nông thôn An Giang

Tháng 11/1996, Ban Quản Lý và Phát triển Điện Nước Nông thôn An Giang chuyển thành Công ty Điện Nước An Giang với nhiệm vụ cung cấp điện nước phục vụ cho người dân theo Quyết định thành lập Công ty số 1570/QĐ.UBND ngày 18/11/1996 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang.

Theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 4/8/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang, Công ty Điện nước An Giang tiến hành cổ phần hóa.

Ngày 25/3/2011, Công ty Cổ phần Điện nước An Giang đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và chính thức hoạt động từ ngày 28/3/2011 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600249791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp lần đầu ngày 28/3/2011 với vốn điều lệ là 486.600.000.000 đồng.

Từ đó đến nay, mức vốn điều lệ của công ty không thay đổi vẫn giữ nguyên là 486.600.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu tỷ, sáu trăm triệu đồng)

1.4. Quá trình tăng vốn của Công ty

Từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần ngày 28 tháng 03 năm 2011, Công ty cổ phần Điện Nước An Giang hoạt động ổn định với mức vốn điều lệ là 486.600.000.000 đồng và không tiến hành tăng vốn điều lệ.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

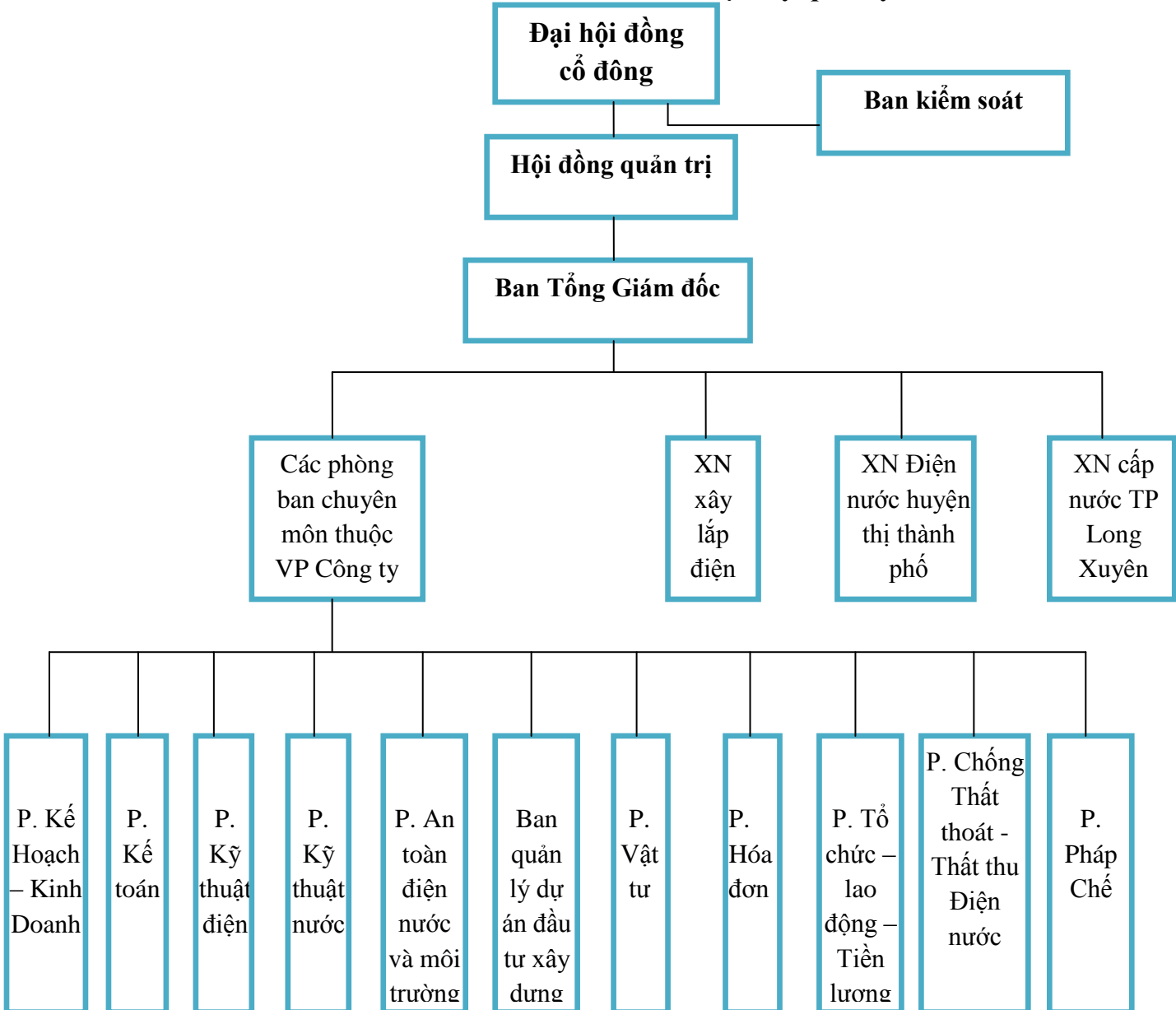
Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Khối văn phòng Công ty và các Tổ đội sản xuất.

- Khối văn phòng Công ty: gồm 14 phòng ban chức năng.
- 10 XN Điện nước huyện thị thành, XN Cấp nước TP. Long Xuyên và XN Xây lắp Điện nước.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ số 1: Cơ cấu bộ máy quản lý



(Nguồn: Công ty cổ phần Điện nước An Giang)

3.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của công ty theo qui định của pháp luật và theo Điều lệ của công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra HĐQT và Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 05 năm..

3.2. Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Theo điều lệ công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty.

HĐQT hiện nay gồm 07 thành viên:

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. Ông: Lương Văn Bạ | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông: Lê Thành Bửu | - Thành viên kiêm Tổng Giám Đốc |
| 3. Ông: Trần Thanh Hoàng | - Thành viên chuyên trách |
| 4. Ông: Lâm Thành Quang | - Thành viên chuyên trách |
| 5. Ông: Trần Nhất Trí | - Thành viên kiêm Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP. Long Xuyên |
| 6. Ông: Lê Việt Anh | - Thành viên kiêm Phó Tổng Giám Đốc |
| 7. Ông: Nguyễn Tuấn Huy | - Thành viên kiêm Giám đốc XN Điện Nước huyện Thoại Sơn |

3.3. Ban kiểm soát

Do Đại Hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động của công ty. Ban Kiểm soát hiện nay gồm 03 thành viên:

- | | |
|-----------------------------|--------------|
| 1. Ông: Đặng Chánh Nghĩa | - Trưởng ban |
| 2. Ông: Lê Phúc Nhuận | - Thành viên |
| 3. Bà: Nguyễn Thị Ngọc Châu | - Thành viên |

3.4. Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng giám đốc gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Ban Tổng giám đốc là người giúp việc cho Chủ tịch HĐQT công ty. Chủ tịch HĐQT công ty có trách nhiệm điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc và có thể giao cho các thành viên trong Ban Tổng giám đốc thay mặt mình quản lý, giải quyết hoặc thực hiện bất kỳ một công việc hoặc mảng công việc của công ty

3.5. Các phòng ban chuyên môn thuộc văn phòng công ty

Công ty bao gồm: 01 Văn phòng công ty và 12 XN trực thuộc.

– Văn phòng công ty: có 14 phòng ban

+ Phòng Kế hoạch – Kinh doanh:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và thực hiện các nhiệm vụ về: Công tác kế hoạch và chiến lược phát triển Công ty hàng năm, trung hạn và dài hạn;

Giám sát các hoạt động SXKD và tiến độ thực hiện kế hoạch của các Xí nghiệp (Chi nhánh trong toàn Công ty, các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty).Phối hợp

các Phòng, Ban liên quan kịp thời đề xuất với Ban điều hành các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả SXKD;

Công tác quản lý kinh doanh, quản lý và chăm sóc khách hàng;

Quản lý nghiệp vụ công tác kinh doanh các Xí nghiệp, Chi nhánh trong Công ty;

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công ty đại chúng theo quy định nhà nước;

Làm thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty.

+ Phòng Kế toán:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty trong quản lý hoạt động tài chính và chế độ kế toán của Công ty;

Quản lý chi phí của Công ty;

Thực hiện công tác thanh tra tài chính các đơn vị trực thuộc Công ty;

Thực hiện quản lý tập trung và sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính của đơn vị theo chế độ quy định của nhà nước, Điều lệ Công ty;

Tham mưu và thực hiện các kế hoạch tài chính trong ngắn hạn, trung và dài hạn;

Tổ chức công tác kế toán, báo cáo quyết toán theo quy định;

Hướng dẫn chế độ kế toán, phổ biến các văn bản của nhà nước về quản lý tài chính, tổ chức thực hiện việc kiểm tra tài chính đối với các đơn vị trực thuộc có hoạt động thu chi tài chính và sử dụng ngân sách;

Thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo về hoạt động tài chính theo chế độ kế toán hiện hành. Bảo quản, lưu trữ các chứng từ kế toán theo quy định;

+ Phòng Kỹ thuật điện:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và thực hiện các nhiệm vụ về:

Quản lý toàn diện công tác quản lý kỹ thuật điện trong Công ty;

Xây dựng qui trình, qui phạm trong quản lý vận hành đường dây trung hạ thế, trạm biến áp và dây nhánh khách hàng, lập kế hoạch xây dựng mới, nâng cấp cải tạo, sửa chữa duy tu bảo dưỡng đảm bảo đường dây trung hạ thế, trạm biến áp và dây nhánh khách hàng vận hành an toàn liên tục.

Lập kế hoạch cải tạo sửa chữa nâng cấp duy tu bảo dưỡng đảm bảo dây trung hạ thế, trạm biến áp và dây nhánh khách hàng vận hành an toàn liên tục.

Kiểm tra hoạt động các công tác về kỹ thuật điện trong hệ thống điện Công ty đang quản lý, khai thác.

Theo dõi, hướng dẫn quản lý vận hành, sửa chữa đường dây trung hạ thế và trạm biến áp trong toàn Công ty theo đúng qui định.

Khảo sát thiết kế xây dựng mới, sửa chữa cải tạo, nâng cấp các trạm biến áp, đường dây hạ thế vừa và nhỏ.

+ Phòng Kỹ thuật nước:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và thực hiện các nhiệm vụ về:

Công tác đảm bảo chất lượng nước của các hệ thống cấp nước toàn Công ty;

Công tác cấp nước an toàn;

Quản lý toàn diện công tác quản lý, vận hành các hệ thống cấp nước trong toàn Công ty;

Tổ chức triển khai công tác duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, an toàn trong vận hành máy móc, tập huấn cho các công nhân tại các HTCN;

Lập hồ sơ thiết kế các tuyến ống, cải tạo, sửa chữa các hạng mục thuộc thẩm quyền của phòng. Kiểm tra các hồ sơ thiết kế và nghiệm thu các công trình theo thẩm quyền;

Kiểm tra công tác xét nghiệm nước tại các xí nghiệp thực hiện theo đúng qui định ban hành ; Theo kế hoạch từng quý. Báo cáo và đề xuất hướng xử lý khi xảy ra sự cố;

Kiểm tra và có phương án đề xuất, phát triển, cải tạo các tuyến ống mới và cũ ưu tiên phát triển các tuyến ống có hiệu quả. Đề xuất phương án nâng công suất cải tạo cho các HTCN vượt quá công suất thiết kế.

+ Phòng An toàn Điện Nước và Môi Trường:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và thực hiện các nhiệm vụ về: Công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động cho CB-CNV Công ty;

Công tác an toàn sử dụng điện trong dân;

Công tác PCCC, PCLB và bảo vệ môi trường;

Quản lý toàn diện công tác quản lý an toàn điện nước trong toàn Công ty;

Xây dựng kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động trong từng tháng, quý, sáu tháng và cả năm và tổ chức việc triển khai thực hiện theo quy định;

Phối hợp các phòng, ban xây dựng nội quy, quy trình an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ phù hợp cho từng loại máy móc, thiết bị, ... theo tiêu chuẩn quy định của nhà nước.

Theo dõi việc kiểm định, xin cấp giấy phép sử dụng các vật dụng, công cụ có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

Thường xuyên phối hợp với các cơ quan Y tế kiểm tra định kỳ và đột xuất công tác vệ sinh lao động, môi trường lao động của đơn vị và các Xí nghiệp trực thuộc để phát hiện bệnh nghề nghiệp và theo dõi tình hình bệnh tật.

Kiểm tra việc thiết kế, lắp đặt tiếp địa các máy bơm, các biển báo hiệu cầu lấy nước, biển báo đường dây điện, hệ thống điện, hệ thống điều khiển, ... của các hệ thống cấp nước, các đường dây điện do Công ty quản lý.

Theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các Xí nghiệp thành lập và hoàn chỉnh phương án PCCC tại chỗ (Xí nghiệp và các nhà máy nước), bố trí phương tiện chữa cháy ở các nơi dễ xảy ra cháy, nổ và thuận tiện cho thao tác, sử dụng. Lập phương án PCCC cho văn phòng Công ty và kho vật tư.

Kiểm tra việc thực hiện công tác phòng chống lụt bão tại các Xí nghiệp trực thuộc.

Theo dõi, tổ chức triển khai thực hiện các quy định về đảm bảo vệ sinh môi trường tại Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc.

Trang cấp thiết bị, dụng cụ an toàn và BHLĐ, dụng cụ đồ nghề và phương tiện PCCC cho Văn phòng Công ty, các Xí nghiệp và các hệ thống cấp nước, trạm cấp nước. Quản lý, kiểm tra việc thử nghiệm định kỳ các trang thiết bị, dụng cụ an toàn trong hệ thống cấp nước theo quy định.

+ BQL Dự án Đầu tư – Xây dựng:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong quản lý và điều hành hoạt động liên quan đến quản trị điều hành các dự án Đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Dự án) của Công ty từ lúc có chủ trương đầu tư cho đến khi hoàn thành dự án.

Quản lý, theo dõi giám sát các công trình xây dựng mới, cải tạo sửa chữa nâng cấp các hệ thống cấp nước của Công ty trên địa bàn tỉnh An Giang; Kiểm tra, thực hiện hoàn chỉnh các thủ tục xây dựng cơ bản, quyết toán công trình theo quy định.

Quản lý, theo dõi giám sát các công trình xây dựng mới, cải tạo sửa chữa nâng cấp các hệ thống điện của Công ty trên địa bàn tỉnh An Giang; Kiểm tra, thực hiện hoàn chỉnh các thủ tục xây dựng cơ bản, quyết toán công trình theo quy định.

Theo dõi thanh quyết toán các chi phí như: tư vấn thiết kế, giám sát, thi công, ... cho các nhà thầu theo quy định.

Lập báo cáo hàng tháng, quý, năm cho các sở ngành đúng thời gian quy định.

+ BQL dự án Hệ thống thoát nước và Xử lý nước thải TP. Châu Đốc:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong quản lý và điều hành hoạt động liên quan đến quản trị điều hành dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Châu Đốc từ lúc có chủ trương đầu tư cho đến khi hoàn thành dự án.

Tổ chức điều hành, quản lý dự án theo đúng quy định nhà nước và quy định của nhà tài trợ vốn của dự án.

Quản lý tài chính, tài sản và thực hiện các thủ tục giải ngân theo quy định của pháp luật và phù hợp với các quy định của nhà tài trợ.

Tổ chức theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện dự án ODA theo quy định hiện hành.

Gửi báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ và đột xuất theo quy định hiện hành tới Công ty CP Điện Nước An Giang để Công ty gửi các báo cáo trên tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang để theo dõi, giám sát và hỗ trợ quá trình thực hiện.

Lập báo cáo kết thúc chương trình, dự án và báo cáo quyết toán chương trình, dự án.

+ BQL dự án Hệ thống thoát nước và Xử lý nước thải TP. Long Xuyên:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong quản lý và điều hành hoạt động liên quan đến quản trị điều hành dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên từ lúc có chủ trương đầu tư cho đến khi hoàn thành dự án.

Tổ chức điều hành, quản lý dự án theo đúng quy định nhà nước và quy định của nhà tài trợ vốn của dự án.

Quản lý tài chính, tài sản và thực hiện các thủ tục giải ngân theo quy định của pháp luật và phù hợp với các quy định của nhà tài trợ.

Tổ chức theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện dự án ODA theo quy định hiện hành.

Gửi báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ và đột xuất theo quy định hiện hành tới Công ty CP Điện Nước An Giang để Công ty gửi các báo cáo trên tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang để theo dõi, giám sát và hỗ trợ quá trình thực hiện.

Lập báo cáo kết thúc chương trình, dự án và báo cáo quyết toán chương trình, dự án.

+ Phòng Vật tư:

Là bộ phận chuyên môn, quản lý các nghiệp vụ có liên quan đến công tác quản lý vật tư, thiết bị của Công ty.

Có chức năng tham mưu, tổng hợp, đề xuất trong lĩnh vực cung cấp nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trực tiếp quản lý xuất nhập vật tư điện nước, giữ gìn tài sản của Công ty.

Thực hiện nghiêm các chế độ của Nhà nước quy định về mua sắm hàng hoá – vật tư, về phòng cháy chữa cháy; quản lý tài sản được công ty giao.

Kiểm soát việc nhập kho, lưu giữ và sử dụng các loại vật tư hàng hóa, nhiên liệu, máy móc, thiết bị. Định kỳ tổ chức thực hiện việc kiểm kê kho bãi toàn Công ty, tổng hợp đối chiếu sổ sách với phòng Kế toán. Báo cáo số lượng, chất lượng vật tư xuất nhập và tồn kho theo chế độ từng tháng.

Cấp phát vật tư, nguyên vật liệu kịp thời theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Phối hợp các phòng, ban kiểm tra việc sử dụng các loại vật tư, thiết bị nêu trên để có biện pháp thu hồi khi sử dụng không đúng mục đích, gây lãng phí, thất thoát.

Xây dựng kế hoạch bảo trì nhà kho, máy móc thiết bị, vật tư, hàng hóa dự trữ nhằm đảm bảo sự an toàn, chất lượng của tài sản lưu kho. Có biện pháp đảm bảo vật tư, máy móc, thiết bị lưu kho không bị mất mát, hư hỏng, mất phẩm chất. Đề xuất xây dựng, cải tạo kho bãi, lưu giữ vật tư phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hàng năm, phối hợp với các phòng có liên quan tổ chức kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản, thanh lý tài sản của đơn vị và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định nhà nước.

+ Phòng Hóa đơn:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong quản lý, phát hành hóa đơn điện, nước hàng tháng;

Theo dõi, lập thủ tục mua điện với Điện lực An Giang.

Quản lý máy vi tính và mạng vi tính Công ty. Tham mưu ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.

Theo dõi, kiểm tra đơn đốc công tác nhập liệu chỉ số của các Xí nghiệp, in và phát hành hóa đơn tiền điện nước, bảo quản hóa đơn đúng theo quy định của cục thuế tỉnh An Giang.

Theo dõi và giao nhận hóa đơn, phiếu thu điện nước với các xí nghiệp.

Tổng hợp, báo cáo sản lượng điện bán, sản lượng cung ứng nước (sau khi giao nhận và phát hành hóa đơn, phiếu thu hàng tháng).

Chịu trách nhiệm điều chỉnh hóa đơn.

Kết hợp cùng các Xí nghiệp phức tra công tác ghi chỉ số khách hàng của công nhân ghi.

Tổ chức quản lý lưu trữ, bảo vệ dữ liệu về khách hàng trên máy vi tính. Quản lý, điều hành vận hành mạng máy vi tính và máy chủ của toàn Công ty.

Thực hiện việc kiểm tra sử dụng máy vi tính của các CB-CNV tại Văn phòng Công ty và Xí nghiệp.

Quản lý, điều hành ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác chuyên môn của phòng, ban và Xí nghiệp.

Xây dựng các ứng dụng về công nghệ thông tin phục vụ cho công tác chuyên môn của phòng ban và Xí nghiệp.

+ Phòng Tổ chức - Lao động - Tiền lương:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và thực hiện các nhiệm vụ về:

Tổ chức bộ máy Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc;

Quản trị nhân sự, lao động tiền lương;

Quản trị hành chính, văn phòng;

Công tác bảo vệ, an toàn PCCC và vệ sinh môi trường.

Tham mưu về công tác tuyển dụng, đào tạo, bố trí, luân chuyển nhân sự trong toàn Công ty theo đúng luật pháp và quy chế của Công ty.

Tham mưu về quy chế, chính sách trong lĩnh vực tổ chức và nhân sự, thiết lập cơ chế quản trị nhân sự khoa học tiên tiến, tạo động lực phát triển SXKD.

Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo nguồn nhân lực toàn Công ty đáp ứng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn

Quản lý tiền lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, BHTN theo đúng chính sách, chế độ, Pháp luật. Quản lý hợp đồng lao động, sổ bảo hiểm của CBCNV trong toàn Công ty.

Thực hiện công việc lễ tân khánh tiết, đón tiếp khách hàng ngày, tổ chức Đại hội, hội nghị, hội thảo, tiệc liên hoan cấp Công ty.

Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ.

Quản lý con dấu Công ty và các loại dấu tên, chức danh của cán bộ trong Công ty, cấp phát và quản lý theo chức năng các loại giấy giới thiệu, giấy đi đường, giấy uỷ nhiệm của Công ty.

Quản lý xe con phục vụ đi công tác theo Quy chế Công ty.

Quản lý công tác vệ sinh môi trường trong phạm vi toàn Công ty d. Về công tác quản lý tài sản

Quản lý tài sản phục vụ làm việc của Văn phòng Công ty

Quản lý toàn bộ tài sản cố định của Công ty: Nhà cửa, lán trại, kho tàng, sân bãi (Mở sổ sách theo dõi, kế hoạch di tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp)

+ Phòng Chống Thất thoát - Thất thu Điện nước:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và thực hiện các nhiệm vụ về: mưu xây dựng kế hoạch chống thất thoát điện nước hàng năm, quý, tháng của Công ty.

Đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác chống thất thoát, thất thu điện nước của các Xí nghiệp theo kế hoạch tháng, quý, năm của Công ty.

Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc hoặc tham gia việc xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm sử dụng điện nước tại các Xí nghiệp.

Kiểm tra, theo dõi lộ trình ghi chỉ số điện kế tổng ở các Xí nghiệp, đồng thời theo dõi sự biến động hao hụt điện tổng hàng kỳ để kịp thời thông báo cho Xí nghiệp, phân tích theo dõi những trạm biến áp có sản lượng tăng, giảm bất thường để tổ chức phối hợp cùng phòng Kỹ thuật điện, Xí nghiệp kiểm tra xác minh làm rõ kịp thời xử lý tránh thất thoát cho đơn vị.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng chống thất thoát điện – nước cho cán bộ, công nhân trực tiếp thực hiện tại Xí nghiệp.

Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện công tác chống thất thoát, thất thu hàng tháng cho ban Tổng giám đốc.

+ Phòng Pháp Chế:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và thực hiện các nhiệm vụ về: Phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật cho CB-CNV toàn Công ty; Kiểm soát các văn bản nội bộ Công ty đảm bảo đúng quy định pháp luật; Công tác pháp chế của Công ty trong quản trị nội bộ và đối ngoại, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Tham gia xác minh, làm rõ những khiếu nại, thắc mắc của CB-CNV trong nội bộ Công ty hoặc bên ngoài liên quan đến hoạt động của Công ty.

+ BQL khu biệt thự vườn Châu Đốc Núi Sam:

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và thực hiện các nhiệm vụ về: Quản lý kinh doanh khu biệt thự vườn Châu Đốc Núi sam

Quản lý, kinh doanh bán nền nhà, nhà ở và các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở theo quy định;

Hoàn thiện các công tác chuyên môn, quy hoạch, cải tạo hạ tầng dự án, quảng bá, kinh doanh dự án.

- XN Cấp Nước TP. Long Xuyên: sản xuất kinh doanh trên địa bàn TP.Long Xuyên;
- XN Điện Nước TP.Châu Đốc: sản xuất kinh doanh trên địa bàn TP.Châu Đốc;
- XN Điện Nước Châu Phú: sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện Châu Phú;
- XN Điện Nước huyện Chợ Mới: sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện Chợ Mới;
- XN Điện Nước huyện Phú Tân: sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện Phú Tân;
- XN Điện Nước huyện An Phú: sản xuất kinh doanh địa bàn huyện An Phú;
- XN Điện Nước Tịnh Biên: sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện Tịnh Biên;

- XN Điện Nước huyện Tri Tôn: sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện Tri Tôn;
- XN Điện Nước TX. Tân Châu: sản xuất kinh doanh trên địa bàn TX. Tân Châu;
- XN Điện Nước Châu Thành: sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện Châu Thành;
- XN Điện Nước Thoại Sơn: sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện Thoại Sơn;

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách Cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông.

Bảng số 1: Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 28/06/2017

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang	Số 16C đường Tôn Đức Thắng, Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang, Việt Nam	43.853.300	90,12%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 28/06/2017 của CTCP Điện nước An Giang)

Bảng số 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 28/06/2017

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	712	48.660.000	100%
1.1	Tổ chức	10	44.963.300	92,40%
1.2	Cá nhân	702	3.696.700	7,60%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
2.1	Tổ chức	0	0	0
2.2	Cá nhân	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng Cộng		712	48.660.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 28/06/2017 của CTCP Điện nước An Giang)

Công ty cổ phần Điện nước An Giang là doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, do đó Công ty không có cổ đông sáng lập.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty; những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch; những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

6. Hoạt động kinh doanh.

6.1 Sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chủ yếu:

Công ty cổ phần Điện Nước An Giang là Doanh Nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh chính là cung cấp điện - nước sạch cho người dân của 2 thành phố, 1 thị xã và 8 huyện thuộc tỉnh An Giang. Bao gồm: Thành phố Long Xuyên và Châu Đốc, Thị xã Tân Châu, huyện An Phú, huyện Châu Phú, huyện Châu Thành, huyện Chợ Mới, huyện Phú Tân, huyện Thoại Sơn, huyện Tịnh Biên, huyện Tri Tôn.

Sản phẩm và dịch vụ kinh doanh của Công ty bao gồm:

+ Điện sinh hoạt và Dịch vụ sản xuất: Bán lẻ điện, là hoạt động Công ty trực tiếp phân phối điện cho khách hàng sử dụng điện với mục đích sinh hoạt và mục đích kinh doanh dịch vụ. Công ty luôn đảm bảo cấp điện ổn định, liên tục, an toàn cho bên mua điện và khôi phục kịp thời việc cấp điện cho bên mua điện theo quy định của pháp luật. Hiện tại, Công ty đang cung cấp điện cho 390.000 hộ dân và 10.150 cơ sở sản xuất kinh doanh phục vụ trên địa bàn tỉnh.

+ Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Nước sạch của Công ty CP Điện Nước An Giang được sản xuất và quản lý chất lượng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008.. Công ty hiện đang quản lý 161 hệ thống cấp nước có công suất từ 150m³/ngày đến 34.000 m³/ngày đều khắp 11 huyện thị thành bao gồm thành phố, thị trấn, thị xã. Tổng công suất toàn Công ty là 132.000 m³/ngày. Ngoài các hệ thống cấp nước trung tâm ở thị trấn, thị tứ có công suất lớn, các trạm cấp nước xã có công suất từ 150 m³ - 200 m³/ngày đã hình thành nên mạng lưới nước sạch rộng khắp từ thành thị đến nông thôn của Tỉnh An Giang. Hiện nay công ty đang cung cấp nước cho 420.000 hộ dân và 1.950 cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Hầu hết các xã phường của Tỉnh đều đã có hệ thống cấp nước sạch. Các hệ thống cấp nước trung tâm được đầu tư xây dựng từ các nguồn vốn: vay, vốn JBIC. Các trạm cấp nước nhỏ được đầu tư từ nguồn vốn vay, vốn ngân sách, vốn chương trình nước sạch nông thôn.

+ Kinh doanh bất động sản:

Để phát triển kinh tế - xã hội địa phương, UBND TP Châu Đốc đã mời gọi đầu tư xây dựng các hạ tầng cơ sở tại địa phương, trong đó có Dự án khu biệt thự vườn Núi Sam – phường Núi Sam – TP . Châu Đốc. Công ty đã tham gia thực hiện dự án nhằm mục đích góp phần phát triển KT-XH địa phương và để mở rộng ngành nghề, tăng doanh thu, lợi nhuận. Năm 2011, dự án bắt đầu đưa vào khai thác, với tổng số nền là: 163 nền, đến nay Công ty đã bán được 135 nền, với doanh thu tương đương 31,5 tỉ đồng, còn lại 28 nền.

Bảng số 3: Cơ cấu doanh thu thuần từ năm 2015, 2016 và 01/01/2017 - 30/06/2017

Cơ cấu Doanh thu thuần	Năm 2015		Năm 2016		01/01/2017 - 30/06/2017	
	Giá trị (Đồng)	%DTT	Giá trị (Đồng)	%DTT	Giá trị (Đồng)	%DTT
Doanh thu kinh doanh điện	873.956.405.398	72,73%	967.798.868.462	73,16%	498.230.261.783	73,20%
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	288.534.580.919	24,01%	330.662.344.689	25,00%	174.458.693.061	25,63%
Doanh thu khác	39.193.201.677	3,26%	24.314.824.909	1,84%	-	-
Doanh thu	-	-	-	-	4.731.532.259	0,70%

bán vật tư						
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-	-	-	-	1.662.462.279	0,24%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-	-	-	1.602.072.133	0,24%
Tổng Cộng	1.201.684.187.994	100%	1.322.776.038.060	100%	680.685.021.515	100,00%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC soát xét bán niên năm 2017 của CTCP Điện nước An Giang)

Bảng số 4: Cơ cấu chi phí từ năm 2015, 2016 và 01/01/2017 - 30/06/2017

Cơ cấu chi phí	Năm 2015		Năm 2016		01/01/2017 - 30/06/2017	
	Giá trị (Đồng)	%/DT T	Giá trị (Đồng)	%/DT T	Giá trị (Đồng)	%/DT T
Giá vốn hàng bán	942.403.946.199	78,42%	1.038.630.734.332	78,52%	530.777.238.520	77,98%
Chi phí tài chính	19.403.758.856	1,61%	18.525.316.086	1,40%	8.323.982.792	1,22%
Chi phí bán hàng	85.445.540.370	7,11%	96.530.147.437	7,30%	52.973.139.049	7,78%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.744.784.978	3,06%	47.187.674.838	3,57%	22.896.167.063	3,36%
Tổng chi phí	1.083.998.030.403	90,21%	1.200.873.872.693	90,78%	614.970.527.424	90,35%
Doanh thu thuần	1.201.684.187.994		1.322.776.038.060		680.685.021.515	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC soát xét bán niên năm 2017 của CTCP Điện nước An Giang)

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.

Bảng số 5: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015, 2016 và 01/01/2017 - 30/06/2017

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm so với năm 2015	01/01/2017 - 30/06/2017
Tổng giá trị tài sản	1.720.399.226.244	1.924.339.381.510	11,85%	2.059.201.355.929
Vốn chủ sở hữu	1.278.861.106.743	1.471.512.543.992	15,06%	1.602.351.583.933
Doanh thu thuần	1.201.684.187.994	1.322.776.038.060	10,08%	680.685.021.515
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	124.143.468.592	129.035.543.377	3,94%	71.517.483.219

Lợi nhuận khác	(2.444.343.616)	(221.431.831)	-	1.500.041.410
Tổng lợi nhuận trước thuế	121.699.124.976	128.814.111.546	5,85%	73.017.524.629
Lợi nhuận sau thuế	90.299.565.680	102.588.567.458	13,61%	58.356.756.099
Giá trị sổ sách	26.281	30.241	15,06%	32.929
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	80,83%	71,15%	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC soát xét bán niên năm 2017 của CTCP Điện nước An Giang)

* Công ty đang thực hiện 2 dự án do UBND tỉnh giao là: Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Châu Đốc và dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Long Xuyên. Nguồn vốn xây dựng 2 dự án trên được hạch toán vào mục nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản dở dang (giá trị: **810.984.685.485**). Do là dự án được giao thực hiện, nên sau khi hoàn thành công ty sẽ bàn giao lại cho đơn vị khác quản lý, sử dụng. Vì vậy, Sau khi bàn giao Vốn CSH của công ty sẽ giảm xuống còn **660.527.858.507** đồng.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Vị thế của công ty trong ngành: cung ứng điện, nước là ngành kinh doanh do Nhà nước quản lý và quyết định giá bán.

Trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, Công ty hiện đang là đơn vị cung cấp lớn nhất tại An Giang. Nước sạch của Công ty CP Điện Nước An Giang được sản xuất và quản lý chất lượng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008. Sản phẩm nước sạch của Công ty luôn đảm bảo đầy đủ theo các tiêu chuẩn quy định.

Công ty thường xuyên tự kiểm tra định kỳ, đột xuất chất lượng nước sạch, thường xuyên kết hợp trung tâm y tế dự phòng Tỉnh kiểm tra kiểm nghiệm chất lượng nước sạch. Công ty đang thực hiện việc lắp đặt đồng hồ nước không thu tiền (trong phạm vi 05 mét tính từ hệ thống ống cung cấp nước).

Năm 2003 UBND Tỉnh An Giang giao cho Công ty quản lý sử dụng tất cả các trạm cấp nước do Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường Tỉnh đầu tư. Công ty đã cải tạo sửa chữa, bố trí công nhân lành nghề quản lý vận hành. Đến nay, hầu hết các trạm cấp nước nông thôn đã hoạt động tốt, có hiệu quả...

Quản lý trực tiếp các trạm cấp nước xã do tổ quản lý điện nước khu vực, tổ này tùy theo số hộ sử dụng điện - nước, tùy theo địa hình mà có thể quản lý từ 2 đến 4 xã. Riêng các trạm cấp nước có công nhân phụ trách từ 2 đến 3 người. Chịu sự điều hành của Tổ khu vực.

Công ty đang tập trung phát triển các đường ống, trạm cấp nước từ nguồn vốn vay, để phấn đấu phát triển 20.000 khách hàng/năm được sử dụng nước sạch.

Trong lĩnh vực cung cấp điện, công ty cùng với Cty TNHH MTV Điện lực An Giang là hai đơn vị cung cấp lớn nhất ở tỉnh An Giang. Công ty mua điện từ Cty TNHH MTV Điện lực An Giang và bán cho khách hàng theo giá qui định của Nhà nước qua mạng lưới truyền tải và phân phối của công ty.

Là đơn vị duy nhất trên cả nước có mô hình quản lý và kinh doanh 02 lĩnh vực điện và nước.

8.2. Triển vọng phát triển ngành:

Việt Nam là nước có tốc độ gia tăng dân số, đô thị hóa và công nghiệp hóa cao. Do đó, tốc độ tăng trưởng của ngành điện và nước có thể đạt mức 4 -5 %/năm.

Giá nước bình quân ở Việt Nam còn thấp việc tăng gấp đôi giá nước nhiều khả năng sẽ xảy ra trong tương lai. Nước sạch là loại hàng hóa mang tính chất dịch vụ công cộng, sản phẩm sản xuất ra sẽ được nhân dân và các ngành kinh tế tiêu thụ ngay. Cũng do tính độc quyền cao cũng như đặc điểm của sản phẩm đã tạo nhiều thuận lợi cho sự phát triển của ngành ở thời điểm hiện tại cũng như trong tương lai.

Tốc độ tăng của tiêu thụ điện vượt xa so với tốc độ tăng trưởng GDP trong cùng kỳ. Cụ thể, nhu cầu điện của Việt Nam tiếp tục tăng từ 14-16%/năm trong thời kỳ 2011-2015 và sau đó giảm dần xuống 11.15%/năm trong thời kỳ 2016-2020 và 7.4-8.4%/năm cho giai đoạn 2021-2030.

Ngành sản xuất điện ở Việt Nam có tổng công suất lắp đặt khoảng 38.676 MW tính tới tháng 10/2016. Theo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), tổng sản lượng điện thương phẩm ở Việt Nam có tốc độ tăng trưởng hàng năm là 10,84% trong giai đoạn từ 2011 – 2015. Trong năm 2015, tổng sản lượng điện thương phẩm của ngành đạt 143,7 tỷ kWh. Trong 10 tháng đầu năm 2016, tổng sản lượng điện thương phẩm của ngành đạt 132,6 tỷ kWh, tăng 11,34% so với cùng kỳ 2015. EVN đặt kế hoạch sản lượng điện thương phẩm của ngành trong năm 2016 là 159,1 tỷ kWh, cao hơn 10,72% so với sản lượng điện thương phẩm trong năm 2015. Nhìn vào những con số trên có thể thấy ngành điện vẫn có triển vọng phát triển mạnh trong thời gian tới.

Thực hiện lộ trình thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trong năm 2017 vốn nhà nước tại Công ty còn 51%, với sự tham gia của các nhà đầu tư sẽ là động lực để Công ty phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai.

Thực hiện chương trình nông thôn mới và sự phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh là điều kiện để Công ty phát triển, mở rộng địa bàn cung cấp điện nước và có sự tăng trưởng nhanh trong tương lai.

9. Chính sách đối với người lao động

Bảng số 6: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2016

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ lao động	1.303	100%
Đại học và trên đại học	221	16,96%
Cao đẳng, Trung cấp	530	40,68%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	349	26,78%
Tốt nghiệp phổ thông	203	15,58%
Phân theo loại hợp đồng lao động	1.303	100%
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	-
- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	1094	83,96%
- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ	120	9,21%

12 đến 36 tháng		
- Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng.	89	6,83%
Phân loại theo giới tính	1.303	100%
- Nam	1081	82,96%
- Nữ	222	17,04%

(Nguồn: Công ty cổ phần Điện nước An Giang)

9.1. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 44 giờ/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết 10 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

❖ Mức lương bình quân

Bảng số 7: Mức lương bình quân năm 2014 đến 2016

Năm	2014	2015	2016
Lao động bình quân (người)	1290	1330	1350
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	6.500.000	6.800.000	7.100.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Điện nước An Giang)

9.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh hàng năm, Công ty đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

9.3. Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

10. Chính sách cổ tức

Việc chi trả cổ tức căn cứ vào kết quả kinh doanh của Công ty, được thực hiện tuân theo quy định của pháp luật Điều lệ Công ty và được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Tỷ lệ cổ tức trong hai năm gần nhất của Công ty như sau:

Bảng số 8: Chính sách chi trả cổ tức

Năm	2014	2015	2016
Tỷ lệ Cổ tức chi trả bằng tiền mặt(%/mệnh giá)	15%	15%	15%
Tình hình chi trả	Đã thanh toán	Đã thanh toán	Đã thanh toán

(Nguồn: Công ty cổ phần Điện nước An Giang)

11. Tình hình tài chính.

11.1. Chỉ tiêu tài chính cơ bản

a) Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	: 05 – 25 năm
Máy móc thiết bị	: 03 – 25 năm
Phương tiện vận tải	: 05 – 10 năm
TSCĐ khác	: 03 – 08 năm

b) Thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

c) Các khoản phải nộp theo luật định.

Công ty luôn nộp đầy đủ và nghiêm túc các khoản thuế theo quy định của Nhà nước. Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty như sau:

Bảng số 9: Các khoản còn phải nộp Ngân sách đến ngày 31/12/2015, 31/12/2016

DVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016
Thuế Giá trị gia tăng	949.249.685	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.703.158.251	8.162.471.613
Thuế Thu nhập cá nhân	334.017.349	(370.999)
Thuế Tài nguyên	184.939.470	274.128.950
Môn bài		(12.000.000)
Phí và lệ phí	365.929.000	383.623.259
Tổng cộng	7.537.293.755	8.807.852.823

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của CTCP Điện nước An Giang)

d) *Trích lập các Quỹ theo luật định*

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Luật doanh nghiệp và theo Điều lệ Công ty. Theo đó, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của Công ty để trình ĐHĐCĐ quyết định.

Bảng số 10: Trích lập các quỹ của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Quỹ đầu tư phát triển	36.153.663.286	46.412.520.032	40.942.247.893
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.361.959.200	10.974.015.444	11.645.904.320
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	900.000.000	1.100.000.000	1.200.000.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC soát xét bán niên năm 2017 của CTCP Điện nước An Giang)

e) *Tổng dư nợ vay*

Tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017 có số dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

Bảng số 11: Cơ cấu nợ vay của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Vay và nợ ngắn hạn	4.624.097.610	9.986.381.570	47.114.288.650
Vay và nợ dài hạn	292.014.194.275	267.194.460.565	214.485.714.077
Tổng cộng	296.638.291.885	277.180.842.135	261.600.002.727

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC soát xét bán niên năm 2017 của CTCP Điện nước An Giang)

f) *Tình hình công nợ hiện nay*

Tình hình các khoản Công nợ phải thu của Công ty qua các năm như sau:

Bảng số 12: Các khoản phải thu của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Phải thu ngắn hạn	122.721.131.592	123.291.604.871	141.359.730.351
<i>Phải thu của khách hàng</i>	105.675.239.452	113.624.041.327	126.714.019.827
<i>Trả trước cho người bán</i>	7.100.400	7.102.388	17.321.411
<i>Các khoản phải thu khác</i>	17.038.791.740	9.531.373.324	14.499.301.281
<i>Tài sản thiếu chờ xử lý</i>	-	129.087.832	129.087.832
Phải thu dài hạn	335.598.398.717	283.141.917.174	208.313.024.188
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	335.448.398.717	282.991.917.174	208.163.024.188
<i>Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc</i>	150.000.000	150.000.000	150.000.000
Tổng cộng	458.319.530.309	406.433.522.045	349.672.754.539

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC soát xét bán niên năm 2017 của CTCP Điện nước An Giang)

Bảng số 13: Các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
I. Nợ ngắn hạn	144.164.116.262	180.156.286.887	238.220.709.474
Vay và nợ ngắn hạn	4.624.097.610	9.986.381.570	47.114.288.650
Phải trả cho người bán	43.224.944.091	54.604.665.348	14.564.598.057
Người mua trả tiền trước	12.128.517.936	18.033.864.788	19.617.547.486
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	7.537.293.755	8.820.223.822	15.499.750.426
Phải trả cho người lao động	11.947.193.495	16.244.464.765	10.451.604.221
Chi phí phải trả	-	-	41.542.796.339
Các khoản phải trả, phải nộp khác	55.340.110.175	61.492.671.150	77.784.219.975
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.361.959.200	10.974.015.444	11.645.904.320
II. Nợ dài hạn	297.374.003.239	272.670.550.631	218.629.062.522
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	4.459.808.964	4.376.090.066	2.943.348.445
Vay và nợ dài hạn	292.014.194.275	267.194.460.565	214.485.714.077
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	900.000.000	1.100.000.000	1.200.000.000
Tổng cộng	441.538.119.501	452.826.837.518	456.849.771.996

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC soát xét bán niên năm 2017 của CTCP Điện nước An Giang)

g) *Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn*

Bảng số 14: Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn năm 2015, 2016 và 30/06/2017

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Đầu tư tài chính ngắn hạn	115.926.786.033	117.027.320.136	112.537.504.722
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	115.926.786.033	117.027.320.136	112.537.504.722
Đầu tư tài chính dài hạn	443.413.641	467.984.815	84.040.000
Vốn góp vào các đơn vị khác	84.040.000	84.040.000	84.040.000
Đầu tư nắm giữ đến ngay đáo hạn	359.373.641	383.944.815	-
Tổng	116.370.199.674	117.495.304.951	112.621.544.722

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC soát xét bán niên năm 2017 của CTCP Điện nước An Giang)

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng số 15: Tình hình tài chính 2015-2016

Các chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	2,18	1,80
Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	lần	1,81	1,50
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản	%	25,66%	23,53%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	34,53%	30,77%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	17,48	19,63
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	0,78	0,73
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LNST/doanh thu thuần	%	7,51%	7,76%
- Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	8,19%	7,46%
- Hệ số LNST/tổng tài sản bình quân (ROA)	%	5,89%	5,63%
- Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	10,74%	9,75%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC soát xét bán niên năm 2017 của CTCP Điện nước An Giang)

12. Tài sản

Bảng số 16: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2016

STT	Tên tài sản	Giá trị kế toán		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/ Nguyên giá
1	2	3	5	
I	Tài sản cố định hữu hình	1.283.152.343.215	800.494.742.598	62,39%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	186.325.202.459	118.795.352.874	63,76%
2	Máy móc thiết bị	1.081.127.245.762	676.611.194.264	62,58%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8.343.503.338	2.534.414.827	30,38%
4	Tài sản cố định khác	7.356.391.656	2.553.780.633	34,72%
II	Tài sản cố định vô hình	21.414.904.191	21.322.511.413	99,57%
1	Quyền sử dụng đất	20.464.754.191	20.464.754.191	100,00%
2	Phần mềm kế toán	950.150.000	857.757.222	90,28%
Tổng		1.304.567.247.406	821.817.254.011	63,00%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC soát xét bán niên năm 2017 của CTCP Điện nước An Giang)

Bảng số 17: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
1	Hệ thống cấp nước Long Sơn, huyện Tân Châu (ODA)	2.433.000	-	-
2	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP Châu Đốc	169.058.046.502	175.715.708.863	185.190.602.473
3	Hệ Thống xử lý nước thải Long Xuyên	51.194.576.162	271.952.467.120	426.783.956.305
4	Hệ thống cấp nước Ôc Eo Thoại Sơn	450.000.000	-	-
5	Hệ thống cấp nước sạch Vàm Cống	2.575.788.182	5.756.422.528	6.055.453.427
6	NCS&MR tuyến ống TCN Vĩnh Phú	-	-	-
7	Nâng cấp MR TOPP liên xã huyện Châu Thành	-	-	-
8	NCS NMN Núi Cấm xã Núi Voi huyện Tịnh Biên	-	-	-
9	Nâng công suất HTCN Ba Trúc huyện Tri Tôn	-	-	-
10	Khu dịch vụ thương mại kết hợp văn hóa du lịch Núi Sam	-	-	13.239.535.454
11	Hệ thống cấp thoát nước KCN Bình Hòa	-	-	10.242.497.000
12	Các công trình khác	9.229.659.777	12.778.953.667	24.946.566.511
Tổng		232.510.503.623	466.203.552.178	666.458.611.170

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC soát xét bán niên năm 2017 của CTCP Điện nước An Giang)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.

Bảng số 18: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2017
Vốn điều lệ (triệu đồng)	486.600	0%	486.600	0%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	1.380.000	4,33%	1.420.000	2,90%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	107.200	4,49%	110.000	2,6%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	7,77	-	7,75	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	22,03	-	22,61	-
Cổ tức	15%	-	15%	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 CTCP Điện nước An Giang ngày 24/05/2017)

Ghi chú: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018 được Phòng Kinh Doanh Công ty xây dựng dựa trên số liệu các năm trước

❖ **Căn cứ để đạt kế hoạch cổ tức, lợi nhuận của Công ty:**

Tính ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dựa vào các cơ chế chính sách của nhà nước và nhu cầu sử dụng điện nước của khách hàng có tính ổn định và tăng trưởng hàng năm ; hạ tầng kỹ thuật điện nước đảm bảo trong hoạt động cung ứng điện nước cho khách hàng. Bên cạnh đó, trong năm 2017, công ty sẽ đưa vào vận hành khai thác các hệ thống cấp nước mới và các hệ thống cấp nước được cải tạo, nâng công suất với tổng công suất khoảng 8.000 m³/ngày.

Cung ứng điện nước là ngành kinh doanh ổn định và phát triển lâu dài. Kinh tế - xã hội phát triển, nhu cầu sử dụng điện nước dùng cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt ngày càng cao nên sản lượng điện nước thương phẩm hàng năm và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty đều tăng trưởng với tốc độ ổn định, nhiều năm liền công ty luôn hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao.

Đồng thời với đội ngũ CB-CNV có trình độ chuyên môn tốt, kinh nghiệm trong quản lý điều hành,... trong lĩnh vực cung ứng điện nước.

Đây chính là cơ sở để công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và kế hoạch lợi nhuận như đã đề ra

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký giao dịch

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.

- Tập trung quản lý và phát triển nước sạch.
- Tiếp tục quản lý và phát triển mạng lưới điện.
- Thực hiện xây dựng và quản lý các dự án (cấp thoát nước, khu dân cư).
- Phát triển thêm các sản phẩm, mở rộng thêm thị trường nhằm đem lại hiệu quả tối đa số vốn đã đầu tư và gia tăng doanh số.
- Tiếp tục thực hiện quản lý sản xuất, kinh doanh theo hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 để ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí.
- Tăng cường công tác chống tổn thất điện, nước.
- Đẩy nhanh tốc độ phát triển, kích cầu sản xuất, tăng số lượng hộ sử dụng nước sạch theo Nghị quyết của Tỉnh Ủy.
- Nâng cao ý thức sử dụng điện cho người dân.
- Tiêu chuẩn hóa CB&CNVC.
- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) có 07 thành viên, trong đó có 03 thành viên HĐQT điều hành và 04 thành viên HĐQT không điều hành:

Bảng số 19: Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Lương Văn Bạ	Chủ tịch	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Trần Thanh Hoàng	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Lê Thành Bửu	Thành viên	Thành viên HĐQT điều hành
4	Lâm Thành Quang	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Trần Nhất Trí	Thành viên	Thành viên HĐQT điều hành
6	Lê Việt Anh	Thành viên	Thành viên HĐQT điều hành
7	Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành

1.2. Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

LƯƠNG VĂN BẠ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/11/1969
- CMND: 350860163; Ngày cấp: 09/6/2014; Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 142/1 Thoại Ngọc Hầu, P. Mỹ Long, TP long Xuyên, tỉnh An Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, cử nhân kinh tế chính trị
- Quá trình công tác:

<i>Từ 1995 – 1997</i>	<i>Phó phòng Kỹ thuật điện Cty Điện Nước An Giang</i>
<i>Từ 1997 – 2004</i>	<i>Trưởng phòng Kỹ thuật điện Cty Điện Nước An Giang</i>
<i>Từ 2004 – 2006</i>	<i>Giám đốc XN Điện nước huyện Chợ Mới - Cty Điện Nước An Giang</i>
<i>Từ 2007 – 3/2011</i>	<i>Phó Giám đốc Cty Điện Nước An Giang</i>
<i>Từ 3/2011-6/2016</i>	<i>Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang</i>
<i>Từ 6/2016-nay</i>	<i>Chủ tịch HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang</i>
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Điện nước An Giang.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 28.526.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ 58,62% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 21.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04 % vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của Ủy Ban nhân dân tỉnh An Giang: 28.504.645 cổ phần, chiếm tỷ lệ 58,58% vốn điều lệ.

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 28.589.745 cổ phần, chiếm tỷ lệ 58,75% vốn điều lệ
- Trong đó:
 - + Vợ: Trần Thị Thanh Tuyền, sở hữu cá nhân: 70.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,15% vốn điều lệ.
 - + Chị ruột : Lương Thị Kim Hiên, sở hữu cá nhân: 8.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,02% vốn điều lệ.
 - + Em ruột: Lương Thị Cẩm Bình, sở hữu cá nhân: 3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,01% vốn điều lệ.
 - + Em rể: Lê thành Út, sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,004% vốn điều lệ.
 - + Ủy Ban nhân dân tỉnh An Giang (Mối quan hệ: Sở hữu đại diện): 43.853.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 90,12% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRẦN THANH HOÀNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/02/1950
- CMND: 350002786; Ngày cấp: 21/09/2010; Nơi cấp: CA An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 67 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị
- Quá trình công tác:

<i>Từ 1993 – 1996</i>	<i>Trưởng BQL Điện nước tỉnh An Giang</i>
<i>Từ 1997-3/2011</i>	<i>Giám đốc Cty Điện Nước An Giang</i>
<i>Từ 3/2011-nay</i>	<i>Thành viên HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang</i>
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 103.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 103.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 24.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ
- Trong đó:
 - + Con ruột : Trần Thị Thanh Phương ,cổ phần sở hữu cá nhân: 24.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÊ THÀNH BỬU

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/02/1960
- CMND: 350009449; Ngày cấp: 19/09/2008; Nơi cấp: CA An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khóm 4, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, An Giang;
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
- Quá trình công tác:
 - Từ 1984 – 1990 Phó phòng Kế hoạch Vật tư, Trưởng phòng Tài vụ Kinh doanh, Trưởng phòng TC-HC Công ty Nhà đất Công trình công cộng tỉnh An Giang*
 - Từ 1990 – 1994 Phó Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang*
 - Từ 1994 – 2001 Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang*
 - Từ 2001 – 03/2011 Phó Giám đốc Cty Điện nước An Giang*
 - Từ 3/2011 – 10/2013 Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên*
 - Từ 11/2013-06/2016 Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang*
 - Từ 06/2016 – nay Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang*
- Chức vụ công tác hiện nay: *Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang*
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 6.591.295 cổ phần, chiếm tỷ lệ 13,55% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 13.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của Ủy Ban nhân dân tỉnh An Giang: 6.577.995 cổ phần, chiếm tỷ lệ 13,52% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 6.590.395 cổ phần, chiếm tỷ lệ 13,54% vốn điều lệ
Trong đó:
 - + Vợ: Bùi Thị Nguyệt, cổ phần sở hữu cá nhân: 12.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.
 - + Ủy Ban nhân dân tỉnh An Giang (Mối quan hệ: Đại diện sở hữu): 43.853.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 90,12% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÂM THÀNH QUANG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/10/1953
- CMND: 350002852; Ngày cấp: 21/12/2005; Nơi cấp: CA An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 5/2B Thủ Khoa Nghĩa, P.Mỹ Bình,Long Xuyên, An Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - Từ 03/1973 – 30/4/1975 Tham gia phong trào HSSV và tham gia biệt động thành phố Long Xuyên và thị đội Long Xuyên*
 - Từ 07/1975 – 12/1979 Công tác tại Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh An Giang*
 - Từ 01/1980 – 4/1994 Văn phòng UBND tỉnh An Giang*
 - Từ 4/1994 –2011 Phó Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang*
 - Từ 2001 – 03/2011 Phó Giám đốc Cty Điện nước An Giang, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên*
 - Từ 04/2011-10/2013 Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang*
 - Từ 11/2013-nay Thành viên HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang*
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRẦN NHẤT TRÍ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/12/1970
- CMND: 352026491; Ngày cấp: 2/11/2006; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9A Đề Thám, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Từ 1994 – 2002 Chuyên viên phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 2003 – 2004 Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 2005 – 03/2011 Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 4/2011 – 2013 Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang, kiêm Giám đốc XN Điện nước TP Châu Đốc
Từ 2014 – nay Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên

- Chức vụ công tác hiện nay: *Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên*
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.396.930 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,04% vốn điều lệ.
 Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 11.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của Ủy Ban nhân dân tỉnh An Giang: 4.385.330 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,01% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 4.386.530 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,01% vốn điều lệ
 Trong đó:
 - + Vợ: Nguyễn Ngọc Bích, cổ phần sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0025% vốn điều lệ.
 - + Ủy Ban nhân dân tỉnh An Giang (Mối quan hệ: Đại diện sở hữu): 43.853.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 90,12% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÊ VIỆT ANH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/5/1972
- CMND: 351012816; Ngày cấp: 17/06/1999; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: TT. An Châu, huyện Châu Thành, An Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:
 - Từ 1995 – 2000 Chuyên viên phòng Kinh doanh*
 - Từ 2001 – 2003 Phó phòng Kinh doanh*
 - Từ 2003 – 2004 Quyền Trưởng phòng Kinh doanh*
 - Từ 2004 – 10/2005 Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Châu Thành*
 - Từ 11/2005 – Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Phú Tân*

03/2011

Từ 04/2011-12/2012 Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xi nghiệp Điện Nước huyện Phú Tân

Từ 2013 - 8/2014 Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xi nghiệp Điện Nước huyện Chợ Mới

Từ 8/2014 – nay Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.499.730 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,25% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 114.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,24% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của Ủy Ban nhân dân tỉnh An Giang: 4.385.330 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,01% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 4.385.330 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,01% vốn điều lệ:

Trong đó:

+ Ủy Ban nhân dân tỉnh An Giang (Mối quan hệ: Đại diện sở hữu): 43.853.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 90,12% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

NGUYỄN TUẤN HUY

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/01/1972
- CMND: 350974918; Ngày cấp: 11/10/2007; Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 257D/13 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Khánh 3, phường Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:
 - Từ 1994 – 2004 Phó phòng Kế hoạch – Vật tư Cty Điện Nước AG
 - Từ 2004 – 3/2011 Phó BQLDA Cty Điện nước An Giang
 - Từ 4/2011-2012 Thành viên HĐQT, kiêm Phó BQLDA Cty Điện nước An Giang
 - Từ 2012 – nay Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xi nghiệp Điện Nước huyện Thoại Sơn
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xi nghiệp Điện Nước huyện Thoại Sơn

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 6.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 6.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,014% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 3.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,007% vốn điều lệ
Trong đó:
 - + Vợ: Huỳnh Thị Trúc Chi, cổ phần sở hữu cá nhân: 3.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,007% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2. Ban kiểm soát

2.1. Danh sách Ban Kiểm soát

Bảng số 20: Danh sách Ban kiểm soát

TT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Đặng Chánh Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát	
2	Lê Phúc Nhuận	Thành viên BKS	
3	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Thành viên BKS	

2.2. Lý lịch thành viên Ban kiểm soát

ĐẶNG CHÁNH NGHĨA

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/09/1953
- CMND: 351662584; Ngày cấp: 30/05/2001; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9E0, Đình Công Tráng, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Thống kê Kế toán
- Quá trình công tác:

<i>Từ 1978 – 1989</i>	<i>Nhân viên Sở Kế hoạch & Đầu tư An Giang</i>
<i>1994 đến 1996</i>	<i>Kế toán trưởng Ban Quản Lý Điện Nông thôn tỉnh An Giang</i>
<i>1996 đến 2005</i>	<i>Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Điện Nước An Giang</i>
<i>2005 đến 2011</i>	<i>Phó ban Quản lý Dự án hệ thống cấp nước Châu Đốc</i>
<i>2011 đến nay</i>	<i>Trưởng ban kiểm soát Công Ty CP Điện Nước An Giang</i>
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 10.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02 % vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 10.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÊ PHÚC NHUẬN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/09/1954
- CMND:350002790; Ngày cấp: 10/06/2011; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9/1 Tổ 73, Trần Hưng Đạo, Khóm Đông Thịnh 5, P.Mỹ Phước, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

1977 – 1994	<i>Làm việc tại Ủy ban Kế hoạch Tỉnh AG</i>
1994- 1999	<i>Làm việc tại Công ty Du Lịch An Giang</i>
1999 – 2011	<i>Phó phòng Vật Tư – Cty CP Điện nước An Giang</i>
2011 đến nay	<i>Thành viên Ban kiểm soát Cty CP Điện Nước An Giang</i>
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 10.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 10.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/12/1972
- CMND: 351501113; Ngày cấp: 17/02/2009; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 14 C4 Dương Khuê, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán doanh nghiệp, Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 1999 đến 2011 Nhân viên Công ty Điện Nước An Giang*
 - 2011 đến nay Thành viên Ban kiểm soát*
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Danh sách Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Bảng số 21: Danh sách Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

TT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Lê Thành Bửu	Tổng Giám đốc	
2	Trần Nhất Trí	Phó Tổng Giám đốc	
3	Lê Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	
4	Trương Văn Nghiệm	Kế toán trưởng	

3.2. Lý lịch Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Lý lịch Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc đã nêu trong phần lý lịch thành viên HĐQT

TRƯƠNG VĂN NGHIỆM

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/05/1971
- CMND: 352240364; Ngày cấp: 13/11/2009; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 521E Võ Thị Sáu, P. Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán; .Thạc sĩ kinh tế - Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 1996 - 1999 Chuyên viên phòng kế toán Công ty Điện Nước An Giang*
 - 1999 đến 2012 Phó phòng kế toán Công Ty Điện nước An Giang*
 - 2012 đến nay Kế toán trưởng Công ty CP Điện Nước An Giang*

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,009% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 4.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,009% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 2.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,004% vốn điều lệ
Trong đó:
 - + Vợ : Lê Ngọc Thuận, số cổ phần nắm giữ : 2.000 cp, chiếm tỉ lệ : 0,004 % vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.

Công ty cổ phần Điện nước An Giang sẽ áp dụng và tuân thủ nghiêm túc các quy định về quản trị công ty đối với công ty đại chúng ban hành tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/06/2017.

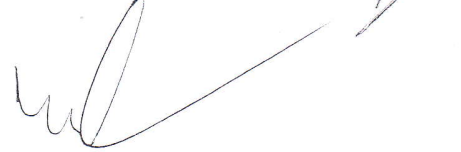
Công ty sẽ sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và theo hướng dẫn tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/06/2017 về việc hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

III. PHỤ LỤC

1. Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất của Công ty;
2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 và BCTC soát xét bán niên năm 2017 của Công ty.

An Giang, ngàytháng ... năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THÀNH BỬU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



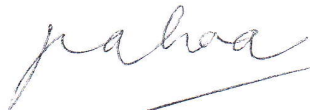
TRƯƠNG VĂN NGHIỆM

CHỦ TỊCH HĐQT



LƯƠNG VĂN BẠ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



ĐẶNG CHÁNH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ THỊ THUY LINH